

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 52 /2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2008

WEBSITE CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 2242

Ngày 25 tháng 4 năm 2008

Kính chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án "Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đến năm 2020"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 675/TTr-BKH ngày 29 tháng 01 năm 2008; tờ trình số 1894/TTr-BKH ngày 20 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đến năm 2020" với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu bền vững và gắn liền với việc xây dựng và phát triển mối quan hệ chính trị hữu nghị, ổn định, bền vững giữa nước ta với các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước qua các khu kinh tế cửa khẩu;

b) Phát triển kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu trong chiến lược và kế hoạch dài hạn, theo thứ tự ưu tiên trong từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện cụ thể và phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia;

c) Lấy hiệu quả kinh tế, chính trị làm tiêu chí quan trọng, tính toán đầy đủ ảnh hưởng của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Các bên tham gia đều được hưởng lợi từ kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu;

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế cửa khẩu với phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với quy hoạch nguồn nhân lực, quy hoạch các công trình hạ tầng xã hội (trường học, cơ sở y tế, văn hoá, thể thao, khu dân cư...);

đ) Phát triển kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu phải chú ý tới yêu cầu bảo vệ môi trường và yêu cầu an ninh, quốc phòng.

2. Điều kiện, tiêu chí để thành lập khu kinh tế cửa khẩu

a) Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển khu kinh tế cửa khẩu đã được phê duyệt;

b) Có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính quy định tại Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền; bao gồm các đơn vị hành chính liền kề, không tách biệt về không gian;

c) Kết nối thuận lợi với các trục giao thông huyết mạch của quốc gia; giao lưu thuận tiện với các nước láng giềng qua cửa khẩu biên giới đất liền của nước bạn; có điều kiện thuận lợi và nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

d) Có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển tổng hợp của khu kinh tế cửa khẩu bao gồm các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển hàng hóa quá cảnh, sản xuất công nghiệp, du lịch, dịch vụ; có điều kiện phát huy tiềm năng tại chỗ và các vùng xung quanh; có khả năng phát triển thương mại và thu hút đầu tư;

đ) Có khả năng gắn kết giữa phát triển kinh tế với việc giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia tại khu vực biên giới;

e) Không tác động tiêu cực đến các khu bảo tồn thiên nhiên; không gây ảnh hưởng xấu và làm tổn hại đến các di sản văn hóa vật thể, danh lam thắng cảnh, các quần thể kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học; có điều kiện đảm bảo yêu cầu về môi trường, môi sinh và phát triển bền vững.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu trên các khu vực biên giới trở thành các vùng kinh tế động lực của từng tỉnh biên giới giáp Trung Quốc, Lào và Campuchia. Đến năm 2020 cả nước có 30 khu kinh tế cửa khẩu, trong đó hình thành thêm 07 khu kinh tế cửa khẩu mới trên các khu vực biên giới. Xây dựng đồng bộ về kết cấu hạ tầng, mô hình tổ chức quản lý, cơ chế, chính sách cho 9 khu kinh tế cửa khẩu: Móng Cái, Lào Cai, Lạng Sơn, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo, Bờ Y, Mộc Bài, An Giang và Đồng Tháp để đến năm 2020 tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ qua biên giới Việt Nam với các nước láng giềng đạt 42 - 43 tỷ USD.

b) Mục tiêu cụ thể

- Từ năm 2008 đến năm 2015:

+ Hình thành thêm 04 khu kinh tế cửa khẩu là: Long An ở tỉnh Long An, AĐốt ở tỉnh Thừa Thiên Huế và Nậm Cắn - Thanh Thủy ở tỉnh Nghệ An, Na Mèo ở Thanh Hoá, nâng số khu kinh tế cửa khẩu cả nước lên 27 khu, trong đó có khoảng 6 - 7 khu đi vào hoạt động đồng bộ, hiệu quả;

+ Đẩy nhanh sự phát triển hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển hàng hoá quá cảnh, sản xuất công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Phân đấu kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 13,5 - 14 tỷ USD với tốc độ tăng 30,7 - 31%. Đến năm 2010, kim ngạch xuất khẩu qua cửa khẩu đạt 5,7 - 6 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 7,7 - 8 tỷ USD;

+ Đón khoảng 2,9 - 3 triệu lượt khách du lịch từ các nước vào Việt Nam và từ Việt Nam đi các nước láng giềng qua các khu kinh tế cửa khẩu, trong đó khách từ Việt Nam đi các nước láng giềng khoảng 1,2 - 1,3 triệu lượt và 1,7 - 1,8 triệu lượt khách từ các nước vào Việt Nam qua khu kinh tế cửa khẩu.

- Từ năm 2016 đến năm 2020:

+ Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu đã được thành lập;

+ Nghiên cứu, xây dựng đề án và thành lập thêm 03 khu kinh tế cửa khẩu theo các bước đi và điều kiện phát triển cụ thể, đáp ứng các điều kiện thành lập khu kinh tế cửa khẩu như khu kinh tế cửa khẩu La Lay ở Quảng Trị, Đắc Per ở Đắc Nông, Đắc Ruê ở Đắc Lắc;

+ Tiếp tục đẩy nhanh sự phát triển hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển hàng hoá quá cảnh, sản xuất công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Phân đấu kim ngạch xuất, nhập khẩu đến năm 2020 đạt 42 - 43 tỷ USD;

+ Đón được 7,8 - 8 triệu lượt khách du lịch từ các nước vào Việt Nam và từ Việt Nam đi các nước láng giềng qua các khu kinh tế cửa khẩu; trong đó khách từ Việt Nam đi các nước láng giềng khoảng 3,5 - 3,6 triệu lượt và 4,2 - 4,3 triệu lượt khách từ các nước vào Việt Nam qua khu kinh tế cửa khẩu.

4. Nhiệm vụ

a) Đối với các khu kinh tế cửa khẩu biên giới giáp Trung Quốc:

- Xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của vùng trung du và miền núi phía Bắc, đầu mối của hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh, Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam và Hà Nội - Móng Cái - Phòng Thành;

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển trong quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh và Hải Phòng - Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh, vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ;

- Khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và vị thế của từng khu kinh tế cửa khẩu trong phát triển giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu;

- Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu gắn với việc hình thành hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn biên giới và gắn với bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung;

- Quy hoạch phát triển các tuyến trục giao thông nối liền các khu kinh tế cửa khẩu với nội địa và với các cửa khẩu và Khu kinh tế cửa khẩu của Trung Quốc để thúc đẩy phát triển và liên kết các khu kinh tế cửa khẩu trong vùng với các vùng trong cả nước và quốc tế. Cụ thể là: tuyến vành đai 1 trên cơ sở hệ thống quốc lộ 4 (4C, 4D, 4E), quốc lộ 34...; tuyến đường hành lang biên giới, các quốc lộ 18, 1A, 3, 2, 70, 6, 12, 18C, 31, 1B, 3B; tuyến cao tốc Hà Nội - Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai, quốc lộ 6 kéo dài; đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 1B kéo dài; tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Lào Cai;

- Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh biên giới trên cơ sở giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân;

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng trong các khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch phát triển và quy hoạch chung của khu kinh tế cửa khẩu như: khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và Chi Ma ở Lạng Sơn; Lào Cai; Móng Cái, Bắc Phong Sinh và Hoàn Mô - Đồng Văn ở Quảng Ninh; Cao Bằng; Thanh Thủy ở Hà Giang; Ma Lù Thàng ở Lai Châu. Tập trung ưu tiên đối với các khu kinh tế cửa khẩu là đầu mối hành lang kinh tế liên vùng, quốc tế như khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Lào Cai và Lạng Sơn.

b) Đối với các khu kinh tế cửa khẩu biên giới giáp Lào:

- Xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Tây các tỉnh miền Trung; trở thành những trung tâm giao lưu kinh tế, thương mại của vùng biên giới các tỉnh miền Trung với các tỉnh Bôlykhamxay, Xiêng Khoảng, Huaphăn, Savanakhét và một số tỉnh khác của nước bạn Lào. Đầu mối xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ vào thị trường các tỉnh Trung, Bắc Lào, vùng Đông Bắc Thái Lan và Myanmar, là địa điểm thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư, phát triển sản xuất, chế biến hàng hoá. Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các vùng biên giới, tăng thêm nguồn thu ngân sách của địa phương;

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển trong quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây và hợp tác phát triển trong Tiểu khu vực Mê Kông mở rộng; phát triển thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch qua cửa khẩu;

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển theo quy hoạch hệ thống giao thông liên vùng nối khu kinh tế cửa khẩu với các nơi khác như : quốc lộ 279 nối Tây Trang với thành phố Điện Biên Phủ; quốc lộ 4D từ Lào Cai tới Ngã 3 Pa So, huyện Phong Thổ, Lai Châu; quốc lộ 12 từ cửa khẩu Ma Lù Thàng tới thị xã Mường Lay của tỉnh Điện Biên; quốc lộ 217 nối Khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo với Thanh Hóa và tỉnh Hòa Bình, các tỉnh Bắc Lào; quốc lộ 8, 9, 12, 14, 14D, 49 nối các Khu kinh tế cửa khẩu miền Trung tới các cảng biển;

- Tiếp tục đầu tư phát triển 7 khu kinh tế cửa khẩu đã được thành lập như khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang, Sơn La, Cầu Treo, khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, Nam Giang và Bờ Y; Tập trung ưu tiên đối với các khu kinh tế cửa khẩu là đầu mối hành lang kinh tế Đông - Tây như khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo, Bờ Y. Trước năm 2015, quy hoạch bổ sung thêm 3 khu kinh tế cửa khẩu là A Đớt ở Thừa Thiên Huế, Nậm Cắn - Thanh Thủy ở Nghệ An và Na Mèo ở Thanh Hóa; từ năm 2015 đến 2020 bổ sung thêm khu kinh tế cửa khẩu La Lay ở Quảng Trị.

c) Đối với các khu kinh tế cửa khẩu biên giới giáp Campuchia

- Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu trở thành một trong những khu vực trọng điểm kinh tế của từng tỉnh, góp phần phân bố lại dân cư và lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương gắn kết chặt chẽ với củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững biên giới của Tổ quốc và bảo vệ môi trường sinh thái;

- Hợp tác phát triển trong quy hoạch phát triển 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia và hành lang kinh tế đường Xuyên á;

- Phát triển các ngành, lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch qua cửa khẩu; xây dựng chợ biên giới, du lịch quá cảnh; hình thành cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện tốt việc bảo vệ, tu bổ, khoanh nuôi rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng phòng hộ biên giới. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội;

- Từng bước đầu tư xây dựng theo quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu như giao thông; bưu chính viễn thông; cấp nước; cấp điện; khu trung tâm cửa khẩu, khu đô thị và các điểm dân cư nông thôn; khu thương mại, du lịch, khu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các công trình dịch vụ công cộng khác. Nhanh chóng xây dựng đường quốc lộ N1 nối liền các tỉnh có biên giới với Campuchia theo quy hoạch giao thông của Bộ Giao thông vận tải;

- Tiếp tục đầu tư phát triển 8 khu kinh tế cửa khẩu đã được thành lập như KKTCK đường 19 ở Gia Lai; Bonuê ở Bình Phước; Mộc Bài, Xa Mát ở Tây Ninh; Đồng Tháp; An Giang và Khánh Bình ở An Giang; Hà Tiên ở Hà Tiên; Tập trung ưu tiên đối với các khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, An Giang và Đồng Tháp. Trước năm 2015, quy hoạch bổ sung thêm khu kinh tế cửa khẩu Long An ở Long An; từ năm 2015 đến 2020 bổ sung thêm khu kinh tế cửa khẩu Đắc Per ở Đắc Nông, Đắc Ruê ở Đắc Lắc.

5. Các biện pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch

a) Cơ chế, chính sách phát triển đối với các khu kinh tế cửa khẩu sẽ được Chính phủ ban hành và có sự thống nhất chung trong cả nước theo Nghị định quy định về khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất. Trong đó, có những cơ chế chính sách liên quan đến khu kinh tế cửa khẩu là chính sách xuất, nhập khẩu và xuất, nhập cảnh, cơ chế quản lý của các khu kinh tế cửa khẩu;

b) Phát triển khu kinh tế cửa khẩu tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt. Tiến hành lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết của từng khu kinh tế cửa khẩu. Quán triệt và làm tốt việc kết hợp tốt giữa các Bộ, ngành trung ương với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong việc tổ chức chỉ đạo phát triển khu kinh tế cửa khẩu;

c) Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong các khu kinh tế cửa khẩu. Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng. Bên cạnh việc đầu tư của Nhà nước bằng nguồn ngân sách (mang tính chất môi), các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cần thiết của khu kinh tế được sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai, vốn tín dụng ưu đãi và các trợ giúp kỹ thuật khác và thu hút vốn đầu tư theo các hình thức BOT, BT, BTO và các hình thức khác theo quy định của pháp luật để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong các khu kinh tế cửa khẩu;

d) Tăng cường công tác vận động, xúc tiến đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu. Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành khu chức năng trong khu kinh tế cửa khẩu... Thực hiện thống nhất, chủ động công tác vận động, xúc tiến đầu tư với sự tham gia tích cực, đồng bộ của các Bộ, ngành và chính quyền địa phương. Tổ chức công bố rộng rãi quy hoạch chi tiết, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và các chính sách khuyến khích đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu để các nhà đầu tư và người dân được biết. Các Ban Quản lý chính quyền địa phương có khu kinh tế cửa khẩu tăng cường công tác nghiên cứu tình hình kinh tế, thị trường đầu tư, chính sách của các nước, các tập đoàn và công ty lớn để có chính sách thu hút đầu tư phù hợp;

đ) Giải pháp và chính sách tạo nguồn vốn:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu theo cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương như cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 183/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2004 và tương đương đối với các khu kinh tế ven biển trong thời kỳ từ nay đến năm 2015.

- Nghiên cứu hình thành chương trình phát triển có mục tiêu đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu.

+ Đối với các khu kinh tế cửa khẩu là đầu mối của các hành lang kinh tế liên vùng, quốc tế: Nhà nước trung ương sẽ tập trung đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm có ý nghĩa động lực trong giao thương kinh tế và dịch vụ thương mại của quốc gia như: các khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai; khu kinh tế thương mại đặc biệt Lào Bảo, khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo, Bờ Y, Mộc Bài, An Giang và Đồng Tháp;

+ Đối với các khu kinh tế cửa khẩu đã hình thành và đang trong giai đoạn xây dựng kết cấu hạ tầng, bước đầu kinh doanh phát triển thương mại, ngoài phân hỗ trợ nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từ ngân sách, nhà nước cần phân cấp mạnh mẽ về quyền hạn, trách nhiệm cho địa phương đầu tư trên cơ sở ban hành cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù và chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu chung của cả nước và huy động, kêu gọi các thành phần kinh tế như doanh nghiệp, dân doanh trong và ngoài nước đầu tư theo quy hoạch đã được duyệt;

+ Đầu tư cho phát triển khu kinh tế cửa khẩu đồng thời với việc đầu tư các dự án công trình trọng điểm trên khu kinh tế cửa khẩu để không gây lãng phí về vốn đầu tư và đất đai, đảm bảo phát huy có hiệu quả khu kinh tế cửa khẩu đối với phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh cũng như đối với từng vùng, miền.

- Đối với Ban Quản lý các khu kinh tế cửa khẩu và các địa phương có khu kinh tế cửa khẩu.

+ Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết và xây dựng kế hoạch theo hướng đầu tư phát triển tập trung vào các dự án, công trình nòng cốt ở từng khu kinh tế cửa khẩu;

+ Xây dựng kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trong và ngoài các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu; trong đó có phân kỳ đầu tư, xác định danh mục ưu tiên trên cơ sở tính toán kỹ trong tổng thể cân đối chung của nền kinh tế quốc gia, vùng và địa phương.

e) Giải pháp về củng cố an ninh quốc phòng ở các khu kinh tế cửa khẩu:

- Các Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu và chính quyền địa phương có khu kinh tế cửa khẩu cần chỉ đạo và thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của các xã trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia (tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội của các xã trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia đến năm 2010);

- Ban Quản lý các khu kinh tế cửa khẩu phối hợp với Bộ đội Biên phòng, lực lượng quân đội và an ninh tích cực tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ở các xã khu vực biên giới bằng nhiều hình thức thích hợp. Thực hiện tốt kế hoạch rà phá bom, mìn ở khu vực biên giới;

- Ban Quản lý các khu kinh tế cửa khẩu phối hợp giữa Biên phòng, Công an, Hải quan của hai nước có chung biên giới để ngăn chặn các đối tượng vượt biên trái phép, tội phạm hình sự trốn qua biên giới, buôn lậu qua biên giới, buôn bán vận chuyển ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới theo các Hiệp định ký kết về công tác phòng, chống tội phạm, phòng, chống vận chuyển buôn bán trái phép chất ma túy, phòng, chống buôn lậu qua biên giới của các nước Tiểu vùng sông Mê Kông;

- Tập trung đầu tư xây dựng các đồn biên phòng, các công trình phòng thủ, các đường tuần tra, vành đai biên giới. Tăng cường khả năng cơ động, xây dựng lực lượng quân đội, công an phản ứng nhanh để có thể ứng phó tình trạng khẩn cấp;

- Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, thường xuyên tiến hành công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng dọc biên giới ý thức dân tộc, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể triển khai các chương trình phối hợp hành động để đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ chủ quyền biên giới;

- Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế với lực lượng an ninh Lào và Campuchia trong đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, giải quyết những vấn đề 2 bên cùng quan tâm.

g) Về phát triển nguồn nhân lực: chú trọng tới phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ đầu tư xây dựng trường, trung tâm dạy nghề đào tạo nguồn lao động, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm ở vùng thu hồi đất để xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu.

h) Về bảo vệ môi trường:

- Khi tiến hành đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu cần phải kết hợp đồng thời với công tác bảo vệ môi trường trong và ngoài khu. Các hướng chính của bảo vệ môi trường của khu kinh tế cửa khẩu là:

- + Bảo vệ chất lượng nước, không khí, đất;
- + Bảo vệ đa dạng sinh học;
- + Bảo vệ môi trường đô thị.

- Lựa chọn công nghệ sạch, cụ thể hoá các quy định về nhập khẩu công nghệ, thiết bị theo các tiêu chuẩn về hệ số tiêu hao năng lượng, hệ số thải; ban hành các tiêu chuẩn chất thải cho khu kinh tế theo các ngành và lĩnh vực;

- Xây dựng chính sách về tài chính, khuyến khích miễn giảm thuế hoặc cho vay vốn với việc nhập thiết bị và công nghệ xử lý chất thải. Đối với các đề án phát triển công nghiệp, du lịch cần giải trình phương án cụ thể về công nghệ và quy trình xử lý chất thải đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường;

- Tăng cường thanh tra giám sát các nguồn thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp, du lịch, thực hiện kiểm toán môi trường đối với các dự án đã hoạt động để đánh giá hiệu quả công nghệ sản xuất, hiệu quả của hệ thống xử lý chất thải. Đẩy mạnh việc giáo dục cộng đồng về bảo vệ môi trường. áp dụng thu phí ô nhiễm và các biện pháp hành chính khác đối với các nhà máy thải ra môi trường khối lượng lớn khí thải, nước thải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phổ biến quy hoạch

Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, công bố công khai Đề án "Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam đến năm 2020", các Bộ, ngành và địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển khu kinh tế cửa khẩu phù hợp với các giai đoạn phát triển

2. Phân công trách nhiệm

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện và điều chỉnh quy hoạch kịp thời. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc lập quy hoạch phát triển của từng khu kinh tế cửa khẩu và việc đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan dự kiến phương án hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo chương trình hỗ trợ mục tiêu phát triển Khu kinh tế cửa khẩu;

- Tổ chức các hội nghị tổng kết và cung cấp các thông tin về khu kinh tế cửa khẩu.

b) Đối với các Bộ ngành: thực hiện theo chức năng, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chỉ đạo ngành dọc ở các địa phương trong công tác theo dõi, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu.

c) Chính quyền địa phương, các Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu, chủ doanh nghiệp đầu tư khu kinh tế cửa khẩu có trách nhiệm quảng bá và có kế hoạch xúc tiến đầu tư phát triển các khu kinh tế cửa khẩu;

d) Hàng năm, trên cơ sở đánh giá thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của từng vùng, miền có khu kinh tế cửa khẩu.

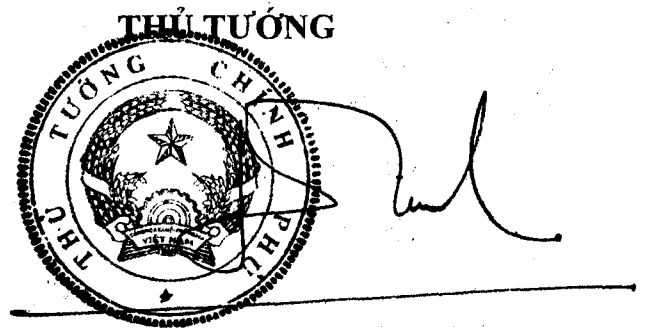
Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
 - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
 - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
 - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
 - Văn phòng Quốc hội;
 - Toà án nhân dân tối cao;
 - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Kiểm toán Nhà nước;
 - Ngân hàng Chính sách Xã hội;
 - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
 - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
 - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
 - Ban Quản lý KKT CK QT Bờ Y;
 - VPCP: BTCN, các PCN,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). **300**



Nguyễn Tấn Dũng